

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRIỆU SƠN  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66 /2022/ HNGĐ-ST

Ngày: 16-8-2022

V/v “ Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thủy

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Hữu Thủy và bà Đào Thị Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138 /2022/HNGĐ - ST ngày 14 tháng 4 năm 2022 về “ Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022 ngày 29/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng V, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: Thôn T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện về việc tranh chấp hôn nhân gia đình và bản tự khai cũng như đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày chị và bị đơn là anh Nguyễn Trọng V đăng ký kết hôn vào ngày 11 tháng 01 năm 2017 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống với nhau vợ chồng hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng chưa có con chung với nhau nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt, xa cách, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau, không tôn trọng lẫn nhau. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 01/2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Trọng V.

Về con chung: Chị H trình bày vợ chồng anh chị chưa có con chung với nhau, hiện nay chị cũng không có thai ghén gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và phần nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa vắng mặt anh Nguyễn Trọng V. Tại bản tự khai anh V trình bày vợ chồng anh chị đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 01 năm 2017 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng anh chị cùng chung sống với nhau nhưng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng nhiều quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình nội, ngoại khuyên nhủ hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 10/02/2022 cho đến nay, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở tại xã T, huyện T, vợ chồng anh chị không còn quan tâm đến nhau. Nay anh V xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H vẫn còn, anh mong muốn chị H quay về đoàn tụ, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị chưa có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và phần nợ chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1].*Về tố tụng*: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Trọng V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa để đến Tòa án để tham gia phiên tòa, mặc dù thường xuyên có mặt ở nhà, không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan nào, nhưng anh V không đến Tòa án, không có lý do. Vì vậy căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2].*Về hôn nhân*: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Trọng V đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn số 02/2017, ngày 11/01/2017. Việc đăng ký kết hôn của anh, chị tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị chưa có con chung, vợ chồng chưa thực sự yêu thương, chia sẻ và quan tâm vun đắp đến tình cảm và hạnh phúc vợ chồng, tính tình vợ chồng anh chị không hòa hợp, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn này là nguyên nhân của rạn nứt khác, nên dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh, chị được ly hôn. Anh V không đồng ý ly hôn, mong muốn được đoàn tụ nhưng lại không có giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, để mặc cho rạn nứt, để mặc cho Tòa án giải quyết vụ án. Vì vậy căn cứ vào điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Lê Thị H ly hôn anh Nguyễn Trọng V.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng anh, chị chưa có con chung với nhau, hiện nay chị H cũng không có thai ghén gì, nên không xét.

[4]. *Về tài sản*: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị Lê Thị H phải chịu án phí theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 điều 147, Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

*Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H. Xử cho chị H ly hôn anh Nguyễn Trọng V.

*Về con chung*: Vợ chồng anh chị không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản*: Chị H, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về án phí*: Chị Lê Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện Triệu Sơn theo biên lai số AA/2021/0006553 ngày 13 tháng 4 năm 2022 nay trừ vào án phí ly hôn, chị H đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Tuyên bố cho chị Lê Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Trọng V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày niêm yết bản án.

#### **Nơi nhận:**

- VKS Triệu Sơn
- Các đương sự
- UBND xã T
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thủy**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Bá Long   Ngô Thị Mai**

**Lê Thị Thủy**

















